
Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày 15-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Trí: Trưởng phòng Nội vụ huyện Cư M'gar

2/ Ông Trương Minh Mẫn: Phó bí thư đảng ủy thị trấn Quảng Phú huyện Cư M'gar
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Nguyệt** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện VKS huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Bà Hồ Thị Mỹ Hải** - Chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 15/9/2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn D.** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1987 tại tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKKHKT: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở trước khi phạm tội: Buôn D, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Con ông Lê Tiến D, sinh năm: 1953. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Đắk Lắk về tội giết người và con bà Vang Thị T sinh năm 1958 (đã chết); Bị cáo có vợ là H' M Niê, sinh năm 1990. Hiện đang sinh sống và làm nông tại buôn D, xã C, huyện C. Bị cáo chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: 02 tiền sự vào ngày 03/6/2013 Công an quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 02 năm về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/9/2015 bị Công an xã E xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 11/6/2017 cho đến nay – Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: 1/ Chị Trần Thị Kiều M: Sinh năm 1993.

Trú tại: Số nhà X, Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt).

2/ Ông Lê Công H

Trú tại: Số nhà Y, tổ dân phố Z, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt)

Người liên quan: Ông Hoàng Văn T. (vắng mặt)

Trú tại: Đường M, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Người làm chứng: Anh Lê Bảo N: Sinh năm 1993.

Trú tại: Số nhà K, Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn D như sau:

Vào sáng ngày 10/6/2017 Lê Văn D, sinh năm 1987, trú tại: buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến làm công cho nhà anh Lê Công H, sinh năm 1981 trú tại số nhà Y, tổ dân phố Z, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày D mượn xe mô tô biển kiểm soát 47H8-xxxx, màu sơn nâu, nhãn hiệu Wonder của anh H để đi về nhà tại xã E, huyện C thì được anh H đồng ý. Trên đường đi về nhà D đã nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô nêu trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên D đi vào tiệm sửa xe B ở địa chỉ số K, Thôn H, xã Q, huyện C với mục đích bán chiếc xe mô tô trên. Khi D đi vào tới tiệm sửa xe thấy trong tiệm không có người, D đi vào đường luồng nhìn thấy có một chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng nên D đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. Lúc này chị Bùi Thị Kiều M, sinh năm 1993 đi từ ngoài vào, thấy chị M nên D nói với chị M muốn bán chiếc xe mô tô, chị M bảo D đợi tý để chị M gọi chồng là Lê Ngọc B về xem xe. Lúc này chị M đi vào nhà tìm điện thoại để gọi cho chồng nhưng không thấy điện thoại đâu, chị M nghi ngờ D là người đã lấy trộm điện thoại của chị M. Do đó chị M đã mượn điện thoại của hàng xóm điện thoại kể lại sự việc cho anh B và anh B đã điện thoại báo cho Công an xã Q, sau đó Công an xã Q đã đến nhà chị M bắt quả tang D và thu giữ trên người D 01 chiếc điện thoại di động iphone 6 Plus 64Gb màu vàng và 01 xe mô tô 47H8-xxxx.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 12/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cư M'gar xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 47H9-xxxx có giá trị là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm ngàn đồng) và chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb có giá trị là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) .

Tại bản cáo trạng số: 53/KSĐT-HS ngày 23/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, truy tố bị cáo Lê Văn D về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Lê Văn D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g,h,p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Văn D mức án tù 12 đến 18 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 579, điều 580 Bộ luật dân sự 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã trả lại chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị Kiều M.

- Trả lại 01 chiếc xe mô tô 47H8-3343 cho anh Lê Công H là chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng

Bị cáo không tranh luận bào chữa gì mà chỉ mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn D tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tại phiên tòa là có căn cứ. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 18h ngày 10/6/2017, tại số nhà K, Thôn H, xã Q, huyện C, bị cáo Lê Văn D đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng của chị Bùi Thị Kiều M thì bị phát hiện bắt quả tang. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có trị giá là 9.000.000 đ (Chín triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự;

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, bị cáo biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm đến, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 03/6/2013 bị cáo bị Công an quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 02 năm về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/9/2015 bị cáo bị Công an xã E xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 500.000 đồng, bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm để tự rèn luyện tu dưỡng bản thân phấn đấu để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã gây ra thì mới phát huy

được tác dụng giáo dục nhằm răn đe phòng ngừa chung trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số vì vậy nhận thức có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g,h,p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn D còn có hành vi mượn chiếc xe mô tô 47 H8-xxxx của anh Lê Công H sau đó mang đi bán để lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên trị giá chiếc xe mô tô nêu trên chỉ có 2.300.000đ và bản thân bị cáo chưa bị xử lý về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội phạm. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Văn D là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar đã tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H8-xxxx. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng là của chị Bùi Thị Kiều M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H8-xxxx là của anh Lê Công H mua lại của anh Hoàng Văn T nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do vậy Cơ quan điều tra đang tiếp tục tạm giữ tại kho vật chứng của Công an huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản hợp pháp của anh Lê Công H vì vậy cần trả lại 01 chiếc xe mô tô 47H8-xxxx cho anh Lê Công H là chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g,h,p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 11/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc điện thoại iphone 6 Plus 64 Gb màu vàng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị Kiều M.

- Trả lại 01 chiếc xe mô tô 47H8-3343 cho anh Lê Công H là chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C.)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và các đương sự vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- CA huyện; VKS huyện CưM'gar;
- T.H.A Dân sự; T.H.A Hình sự ;
- Bị cáo; Bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trọng Phụng